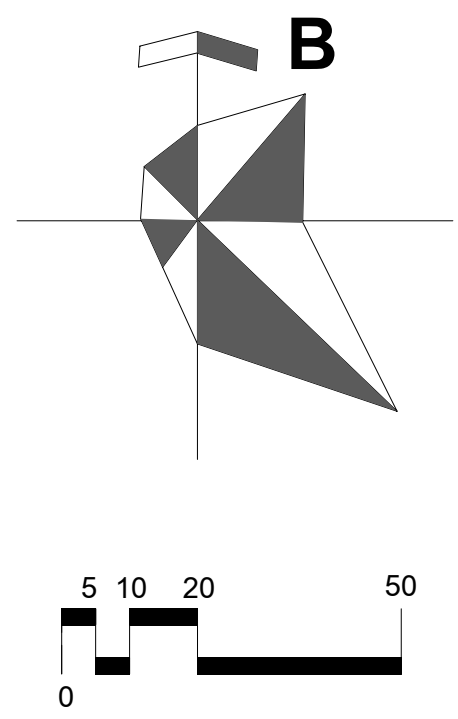




QH03 - BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT

Stt		Loại đất	Diện tích		Tỷ lệ (%)	Mật độ XD (%)	Diện tích XD (m2)	Tầng cao
			(m2)	(ha)				
I	KS	Đất khu thủ tục, kiểm tra, kiểm soát	174.605	17,46	32,78	12,71	22.199	1-5
I-1	KS01	Nhà kiểm soát liên ngành - Văn phòng làm việc BQL cửa khẩu và các cơ quan liên quan - Quảng trường quốc môn - cây xanh cảnh quan - Bane kiểm soát	66.821	6,68	12,55	33,22	22.199	1-3
I-2	KS02	Khu cách ly, kiểm dịch, xử lý y tế (hàng hóa - động thực vật)	10.787	1,08	2,03	4,64	500	1-5
I-3	KS03	Khu vực kiểm tra, giám sát đối với phương tiện xuất cảnh - Địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu	50.225	5,02	9,43	9,40	4.720	1-2
I-4	KS04	Khu vực kiểm tra, giám sát đối với phương tiện nhập cảnh - Địa điểm kiểm tra hàng hóa nhập khẩu	46.772	4,68	8,78	10,09	4.720	1-2
II	TM	Đất khu thương mại - dịch vụ	28.859	2,89	5,42	70,49	20.343	4-5
II-1	TM01	Khu thương mại - Dịch vụ	28.859	2,89	5,42	70,49	20.343	4-5
III	KB	Đất khu vực kho, bến bãi cho thuê tập kết hàng chờ xuất khẩu, nhập khẩu	50.212	5,02	9,43	24,89	12.500	1-2
III-1	KB01	Khu vực kho - bến bãi cho thuê tập kết hàng chờ xuất nhập khẩu	36.925	3,69	6,93	27,08	10.000	1-2
III-2	KB02	Khu vực kho - bến bãi cho thuê tập kết hàng chờ xuất nhập khẩu	13.287	1,33	2,49	18,82	2.500	1-2
IV	PT	Đất khu phụ trợ	182.841	18,28	34,33	2,02	3.700	1-9
IV-1	BX01	Bến xe khách - xe điện	14.626	1,46	2,75	13,67	2.000	1-2
IV-2	BX02	Bãi đỗ xe cá nhân cho khách vào làm thủ tục xuất nhập cảnh	10.788	1,08	2,03	1,85	200	1
IV-3	CH	Trạm cứu hỏa	1.986	0,20	0,37	25,18	500	1-2
IV-4	HTKT	Khu HTKT	3.300	0,33	0,62	30,30	1.000	1-2
IV-5	CX01	Quảng trường - cây xanh cảnh quan	5.571	0,56	1,05			
IV-6	CX02	Quảng trường - cây xanh cảnh quan	13.954	1,39	2,62			
IV-7	GT	Đất đường giao thông theo quy hoạch phân khu	132.616	13,26	24,90			
V	DT	Đất dự trữ phát triển	96.083	9,61	18,04			
V-1	DT01	Đất dự trữ xây dựng trạm kiểm tra phương tiện ra vào khu vực cửa khẩu	8.390	0,84	1,58			
V-2	DT02	Đất dự trữ phát triển	22.553	2,26	4,23			
V-3	DT03	Đất dự trữ phát triển	6.798	0,68	1,28			
V-4	DT04	Đất dự trữ phát triển	5.608	0,56	1,05			
V-5	DT05	Đất dự trữ phát triển	12.208	1,22	2,29			
V-6	DT06	Đất dự trữ phát triển	40.526	4,05	7,61			
		Tổng cộng	532.600	53,26	100,00	11,03	58.742	1-9

Ghi chú/ Notes:

- Đất khu thủ tục kiểm tra, kiểm soát
- Đất khu thương mại dịch vụ
- Đất kho bãi
- Đất cây xanh - cảnh quan
- Đất hạ tầng kỹ thuật - phụ trợ
- Đất dự trữ phát triển

BẢNG TỌA ĐỘ MỐC GIỚI, RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH

TÊN ĐIỂM	TỌA ĐỘ	
	X	Y
T04	524839.5999	2383059.4974
T05	525004.3732	2383059.4974
T31	525270.8155	2381838.2694
T32	525270.8155	2382038.2694
T33	525158.0458	2382038.2694
T34	525158.0458	2382813.6053
T35	525004.3732	2382813.6014
T36	524839.5999	2382813.6053
T37	524684.6044	2382813.6053
T38	524676.6044	2382805.6053
T39	524676.6114	2381838.2694

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
UBND TỈNH QUẢNG NINH

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: NGÀYTHÁNGNĂM 20....
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NINH

KÈM THEO CÔNG VẤN SỐ: NGÀYTHÁNGNĂM 20....
CƠ QUAN THỎA THUẬN
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH QUẢNG NINH

KÈM THEO CÔNG VẤN SỐ: NGÀYTHÁNGNĂM 20....
CƠ QUAN THỎA THUẬN
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÔNG CÁI

KÈM THEO CÔNG VẤN SỐ: NGÀYTHÁNGNĂM 20....
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUỐC TẾ TÂN ĐẠI DƯƠNG

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀYTHÁNGNĂM 20....
CÔNG TRÌNH ĐỊA ĐIỂM / Project - Site:

QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500
TRẠM KIỂM SOÁT LIÊN NGÀNH CẦU BẮC LUÂN II GẦN VỚI KHU DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG HẢI HÀ, THÀNH PHỐ MÔNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

TÊN BẢN VẼ / Drawing name:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: Drawing	QH03	GHÉP Merge	A0 fit	TITLE FIT	NGÀY: Date	/2017
THIẾT KẾ: Design by	KTS. TRỊNH HỒNG THÀNH					
CHỦ TRƯ: Chief of design	KTS. BÙI HUY HOÀNG					
CHỦ NHIỆM ĐOÀN Project Supervisor	KTS. SALVADOR PEREZ ARROYO					
TRƯỞNG PHÒNG Leader	KTS. LÊ THANH TÙNG					
QUẢN LÝ KỸ THUẬT Tech. Manager	KTS. LƯƠNG BÁ NGỌC					

TỔNG GIÁM ĐỐC / General Director

NGUYỄN HẢI YẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ SALVADOR PEREZ ARROYO VÀ CÔNG SỰ
S&DESIGN_JSC
ĐỊA CHỈ: TẦNG 3, 47 VŨ TRƯNG PHỤNG, THANH XUÂN, HÀ NỘI
A03: 36/Floor, 47 Vũ Trưn Phụng street, Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: (84-4) 35037979/ 36367979 Fax: (84-4) 35578420 Website: www.sdesign.com